

Số: **57** /HD-ĐCT

Hà Nội, ngày **12** tháng 8 năm 2021

HƯỚNG DẪN

Giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

- Căn cứ Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát phản biện xã hội của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP).

- Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg).

- Căn cứ Hướng dẫn số 70/HD-MTTW-BTT ngày 05/8/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn việc phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn Hội LHPN các cấp giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam trong thực hiện chức năng giám sát nhằm bảo đảm các chính sách hỗ trợ được triển khai kịp thời, đúng quy định và đối tượng.

2. Thông qua giám sát kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên, phụ nữ để phản ánh với cấp ủy, chính quyền, MTTQ Việt Nam và Hội LHPN Việt Nam cấp trên. Hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, phụ nữ, trẻ em, hộ gia đình thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách trong việc thực hiện các thủ tục và sử dụng hỗ trợ một cách hiệu quả, hợp lý.

3. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp; trong quá trình giám sát lựa chọn các hình thức giám sát phù hợp với tình hình phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của địa phương, đơn vị.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, CHỦ THỂ, THỜI GIAN GIÁM SÁT

2.1. Các chính sách Hội LHPN Việt Nam chủ trì giám sát theo phân công của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

2.1.1. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế

a- Nội dung giám sát: Giám sát cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế (quy định tại điểm b Mục 7 và Mục 8 Phần II của Nghị quyết số 68- NQ/CP và từ Điều 25 đến Điều 27, Chương VII, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) (phụ lục 1).

b- Đối tượng giám sát:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: giám sát việc chỉ đạo, thực hiện chính sách, thời hạn phê duyệt danh sách, đối tượng hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: giám sát việc thực hiện chính sách, thời hạn tổng hợp danh sách hỗ trợ theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: giám sát việc tổng hợp, lập danh sách đối với các trường hợp F0, F1 (bao gồm cả trẻ em là F0, F1) đủ điều kiện hưởng chính sách và thực hiện chi trả các chính sách được UBND tỉnh phê duyệt.

- Cơ sở y tế, cơ sở cách ly: việc lập danh sách đối với trường hợp F0, F1 (bao gồm cả trẻ em là F0, F1) đủ điều kiện đang điều trị, cách ly tại cơ sở y tế, cơ sở cách ly gửi UBND cấp tỉnh phê duyệt.

c- Chủ thể chủ trì giám sát: Hội LHPN Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã.

d- Thời gian thực hiện giám sát: bắt đầu từ ngày 15/8/2021 đến ngày 31/3/2022.

2.1.2. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh

a- Nội dung giám sát: Giám sát cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh (quy định tại Mục 10, Phần II của Nghị quyết số 68-NQ/CP và từ Điều 35 đến Điều 37, Chương IX, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) (phụ lục 1).

b- Đối tượng giám sát:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: giám sát đến việc triển khai chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh, phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, chỉ đạo thực hiện hỗ trợ đúng thời hạn, đối tượng.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: giám sát việc rà soát, tổng hợp danh sách trình UBND tỉnh đảm bảo đúng thời hạn, đối tượng.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: giám sát việc xác nhận tạm ngừng đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh đủ điều kiện; niêm yết công khai danh sách; tổng hợp danh sách gửi Chi cục Thuế theo thời hạn quy định.

- Chi cục Thuế: giám sát thẩm định danh sách, gửi UBND xã tổng hợp theo thời hạn quy định.

c- *Chủ thể chủ trì giám sát:* Hội LHPN Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã.

d- *Thời gian thực hiện giám sát:* Từ ngày 15/8/2021 đến 15/2/2022.

2.2. Các nội dung Hội LHPN Việt Nam tham gia giám sát cùng MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong quá trình tham gia giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 cùng MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*bao gồm các chính sách: giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; Hỗ trợ người tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; Hỗ trợ người lao động ngừng việc; Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch; Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; Hỗ trợ đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác*), các cấp Hội LHPN Việt Nam cần tập trung vào các nội dung sau:

- Kết quả thực hiện chính sách, đánh giá việc thực hiện các chính sách đối dưới góc độ giới:

- + Số lao động nữ được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số lao động nữ thuộc diện được hỗ trợ.

- + Số lao động nữ được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số lao động đã được chi trả các chế độ hỗ trợ.

- + Số lao động nữ đang mang thai/đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thuộc đối tượng qui định tại điểm 4, 5, 6 Mục II Nghị Quyết 68/NQ-CP được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số lao động nữ đang mang thai/đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thuộc diện được hỗ trợ.

- + Số trẻ em được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số trẻ em thuộc diện được hỗ trợ.

- Tác động của chính sách có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em.

- Trong quá trình giám sát một số chính sách cần lưu ý giám sát các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện các nội dung (đối tượng, mức hưởng, thủ tục thực hiện) có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, cụ thể là:

Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; người lao động ngừng việc; người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp đang mang thai

được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 6 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha (xem phụ lục 2).

III. HÌNH THỨC GIÁM SÁT

3.1. *Đối với nội dung chính sách Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì giám sát:* Tùy tình hình thực tế có thể thực hiện giám sát thông qua nghiên cứu bằng văn bản liên quan hoặc tổ chức Đoàn giám sát và thông qua tiếp nhận phản ánh của hội viên, phụ nữ, đối tượng được hỗ trợ.

3.2. *Đối với nội dung chính sách Hội LHPN Việt Nam tham gia giám sát:* thực hiện theo sự phân công của Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam các cấp và tiếp nhận phản ánh của hội viên, phụ nữ, đối tượng được hỗ trợ.

3.3. *Hội LHPN cấp xã vận động hội viên, phụ nữ tham gia giám sát việc rà soát, lập danh sách và niêm yết danh sách, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của phụ nữ trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ; kịp thời phản ánh kết quả giám sát tới Ban công tác mặt trận và Hội LHPN cấp trên.*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Các cấp Hội chủ động bố trí kinh phí giám sát theo nhiệm vụ được phân công. Kinh phí giám sát được xây dựng theo Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 về việc Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và quy định của địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Đối với Trung ương Hội LHPN Việt Nam

- Hướng dẫn, chỉ đạo Hội LHPN cấp tỉnh, thành phố triển khai giám sát theo phân công tại điểm 2.1 mục II của Hướng dẫn này.

- Chủ trì tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra công tác giám sát ở các địa phương (dự kiến Trung ương Hội LHPN Việt Nam kiểm tra tại: Thành phố Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế). Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội và một số bộ, ngành liên quan (*sẽ ban hành kế hoạch riêng*).

- Tham gia các đoàn kiểm tra công tác giám sát do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức chính trị- xã hội cấp trung ương chủ trì.

- Cử cán bộ cấp vụ tham gia tổ liên ngành hướng dẫn, xử lý tình huống phát sinh trong quá trình giám sát của các địa phương.

- Tổng hợp báo cáo kết quả giám sát của các cấp Hội theo nội dung phân công và các đoàn giám sát do TW Hội LHPN Việt Nam chủ trì gửi về Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổng hợp.

- Giao Ban Chính sách - Luật pháp chủ trì, phối hợp cùng Ban Gia đình – Xã hội tham mưu với Thường trực Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam triển khai, theo dõi hoạt động giám sát này.

5.2. Ban Thường vụ Hội LHPN các tỉnh, thành phố

- Xây dựng văn bản hướng dẫn Hội LHPN cấp huyện, xã giám sát các chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ theo nhiệm vụ được phân công; xây dựng kế hoạch giám sát các nội dung Hội được phân công chủ trì.

- Tham gia đoàn giám sát, kiểm tra, đánh giá công tác giám sát của cấp huyện, cấp xã do ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh/ thành phố chủ trì.

- Chỉ đạo các cấp Hội LHPN địa phương chủ động gặp gỡ các đối tượng thụ hưởng là hội viên, phụ nữ để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng về việc thực hiện chính sách hỗ trợ trong suốt thời gian các cơ quan liên quan triển khai thực hiện việc hỗ trợ và sau khi các cơ quan hoàn tất việc chi trả kinh phí; kịp thời báo cáo với cấp ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, Hội LHPN cấp trên; đồng thời đánh giá tác động chính sách đối tượng thụ hưởng.

- Đối với 02 tỉnh, thành phố TW dự kiến tổ chức kiểm tra, giám sát: Ban Thường vụ tỉnh, thành Hội phối hợp với đoàn kiểm tra công tác giám sát của Trung ương thực hiện đúng kế hoạch, quy trình giám sát theo quy định.

- Sau mỗi đợt giám sát, trong vòng 03 ngày làm việc, đại diện đoàn giám sát cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh có báo cáo kết quả giám sát gửi cấp ủy, chính quyền cùng cấp và Hội LHPN cấp trên trực tiếp. Nếu không thành lập đoàn giám sát, Hội LHPN các cấp có trách nhiệm giám sát bằng văn bản việc lập danh sách, việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ của các cơ quan chức năng và báo cáo với cấp ủy, chính quyền cùng cấp và Hội LHPN cấp trên trực tiếp.

- Chậm nhất 10 ngày, sau khi kết thúc đợt giám sát hỗ trợ theo Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Hội LHPN các tỉnh, thành phố báo cáo kết quả giám sát và các vấn đề phát sinh trong quá trình giám sát về Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam (qua Ban Chính sách – Luật pháp theo địa chỉ email: giamسات.NQ68@gmail.com), cụ thể:

+ Đối với 2 nội dung do Hội chủ trì giám sát: sau mỗi đợt giám sát 5 ngày và sau 10 ngày kết thúc thời gian hỗ trợ (ngày 25/02/2022 và ngày 12/4/2022).

+ Đối với các nội dung Hội tham gia giám sát: sau mỗi đợt giám sát 5 ngày và sau 10 ngày kết thúc thời gian hỗ trợ, tùy theo chính sách.

+ Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát sau 10 ngày kết thúc thời gian hỗ trợ (ngày 10/7/2022).

(Báo cáo theo đề cương gửi kèm Hướng dẫn)

Trên đây là Hướng dẫn giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Đề nghị Ban Thường vụ Hội LHPN các tỉnh/thành phố triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ với Ban Chính sách - Luật pháp: Đ/c Đàm Thị Vân Thoa – Phó ban, SĐT: 024.3971.5062/0904.330.442).

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương (để báo cáo);
- UB TW MTTQ Việt Nam (để báo cáo);
- Thường trực Đoàn Chủ tịch;
- BTV Hội LHPN các tỉnh/thành phố;
- Các ban/ đơn vị TW Hội LHPN VN;
- Lưu: VT, CSLP (5).

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thị Hòa

Phụ lục 1

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH DO HỘI LHPN VIỆT NAM CHỦ TRÌ GIÁM SÁT

I. Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế

1. Nghị Quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

- Điểm b, Mục 7, Phần II:

Trẻ em phải điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được ngân sách nhà nước đảm bảo các chi phí điều trị và tiền ăn theo quy định tại điểm 8 Mục II Nghị quyết này; được ngân sách nhà nước hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em trong thời gian điều trị, cách ly từ ngày 27/4/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

- Mục 8, Phần II:

Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người điều trị Covid-19 (F0), từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/12/2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.

Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người phải thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày

2. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Chương VII: Hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế

Điều 25. Đối tượng hỗ trợ

Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 26. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

1. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.

2. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày.

3. Đối với trẻ em trong thời gian điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế:

a) Được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/trẻ em.

b) Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đối với các chi phí ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế và chi phí khám, chữa bệnh đối với trẻ em không có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F0 đang điều trị tại cơ sở y tế gồm:

a) Danh sách F0 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Giấy ra viện điều trị do nhiễm COVID-19 của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F1 đang thực hiện cách ly y tế tại cơ sở cách ly gồm:

a) Danh sách F1 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cách ly y tế.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F0 đã kết thúc điều trị tại cơ sở y tế trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành gồm:

a) Giấy ra viện.

b) Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở y tế đã điều trị.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà gồm:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về cách ly y tế tại cơ sở cách ly hoặc cách ly tại nhà.

b) Giấy hoàn thành việc cách ly.

c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

d) Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở cách ly đối với người đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly.

5. Trình tự, thủ tục:

a) Đối với trường hợp đang điều trị, cách ly tại cơ sở y tế, cơ sở cách ly: Cơ sở y tế, cơ sở cách ly căn cứ vào hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều này lập danh sách (theo Mẫu số 08a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định này) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

b) Đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ quy định tại khoản 3, 4 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

Trước ngày 05 và ngày 20 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập danh sách (Mẫu số 8a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định này) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của cơ sở y tế, cơ sở cách ly hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách và chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Cơ sở y tế, cơ sở cách ly, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em đang điều trị, cách ly theo danh sách được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (Mẫu 8c tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

II. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh

1. Nghị Quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Mục 10, Phần II: Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế và phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần 3.000.000 đồng/hộ.

2. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Chương IX: Hỗ trợ hộ kinh doanh

Điều 35. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế.
2. Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

Điều 36. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

1. Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh.
2. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh.

Điều 37. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

1. Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

2. Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

3. Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

4. Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Phụ lục 2

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM

1. Nghị Quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

- Điểm a, Mục 7, Phần II:

Người lao động tại điểm 4, 5, 6 Mục II đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha.

***Lưu ý:** Người lao động tại điểm 4,5,6 Mục II của Nghị quyết 68/NĐ-CP gồm: Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; người lao động ngừng việc; người lao động chấm dứt hợp đồng lao động

2. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

2.1.Chương IV- Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không lương

Điều 13. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tự thực ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục) phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

1. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

Điều 14. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

.....

2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị

1. Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

2. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định này.

2.2. Chương V Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc

Điều 17. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng trước liền kề tháng người lao động ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động.

Điều 18. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

....

2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị

1. Bản sao văn bản yêu cầu cách ly của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Danh sách người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định này.

2.3 Chương VI: Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

Điều 21. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tự thực ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

b) Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

Điều 22. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

.....

2. Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau:

a) Hợp đồng lao động đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

b) Quyết định thôi việc.

c) Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp.

4. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 22 Quyết định này.

PHỤ LỤC 3:**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO****Kết quả giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19****Yêu cầu báo cáo giám sát:**

- Báo cáo kết quả giám sát phải đánh giá được việc triển khai thực hiện giám sát của các cấp Hội; thời gian, nội dung, hình thức, thành phần giám sát; nêu rõ những nhận xét, đánh giá về từng nội dung giám sát; cách làm sáng tạo, điển hình trong triển khai hỗ trợ chính sách của cơ quan, tổ chức (nếu có); trong công tác hướng dẫn/chỉ đạo thực hiện đã quan tâm đến vấn đề giới chưa; những bất cập, khó khăn, hạn chế của cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế; đề xuất điều chỉnh đối tượng thụ hưởng (nếu có); các kiến nghị đề xuất đối với đối tượng giám sát; kiến nghị với các cấp Hội, và các cơ quan liên quan.

- Báo cáo phải có số liệu về lao động nữ và trẻ em thuộc diện được hỗ trợ:

+ Số lao động nữ được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số lao động nữ thuộc diện được hỗ trợ;

+ Số lao động nữ được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số lao động đã được chi trả các chế độ hỗ trợ;

+ Số lao động nữ đang mang thai/đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thuộc đối tượng qui định tại điểm 4, 5, 6 Mục II Nghị Quyết 68/NQ-CP được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số lao động nữ đang mang thai/đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thuộc diện được hỗ trợ;

+ Số trẻ em được chi trả các chế độ hỗ trợ trên tổng số trẻ em thuộc diện được hỗ trợ.

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG COVID -19 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1.1. Việc tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống Covid-19 của chính quyền địa phương

1.2. Các hoạt động tham gia phòng, chống Covid-19 của các cấp Hội

II. KẾT QUẢ THAM GIA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến; phối hợp triển khai và giám sát thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP của các cấp Hội

2.2. Các hoạt động giám sát của các cấp Hội LHPN địa phương:

- Tổ chức thực hiện các hình thức giám sát:

+ Tổ chức đoàn giám sát: số đoàn; số chính sách từng cấp Hội giám sát
 + Nghiên cứu, xem xét văn bản, tài liệu, báo cáo: số nội dung giám sát; số cơ quan, đơn vị giám sát.

+ Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền: Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, HĐND, các sở, ngành: số đoàn tham gia; số nội dung chính sách tham gia; tham gia giám sát tại bao nhiêu cơ quan, đơn vị.

+ Giám sát thông qua tiếp nhận phản ánh của hội viên, phụ nữ, đối tượng được hỗ trợ.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

3.1. Ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP của địa phương

- Văn bản chỉ đạo của cấp uỷ, HĐND
- Văn bản triển khai thực hiện của UBND các cấp, sở, ngành
- Văn bản ban hành chính sách đặc thù của địa phương (nếu có)

3.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP.

3.3. Công tác phối hợp giữa chính quyền địa phương với các cấp Hội LHPN trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP .

3.4. Kết quả giám sát các nội dung do các cấp Hội chủ trì theo phân công của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (cách thức triển khai giám sát ở các cấp Hội; kiến nghị, đề xuất trong quá trình giám sát; kết quả)

3.4.1. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế - Đối với cấp tỉnh/thành phố

3.4.2. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh

3.5. Kết quả giám sát các nội dung do các cấp Hội LHPN địa phương tham gia giám sát (cách thức tham gia phối hợp giám sát ở các cấp Hội, nhất là những nội dung chính sách liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em; kiến nghị, đề xuất trong quá trình giám sát; kết quả)

3.5.1. Giám sát việc triển khai chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

3.5.2. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất

3.5.3. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

3.5.4. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương

3.5.5. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc

3.5.6. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

3.5.7. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghề thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch

3.5.8. Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

3.5.9. Giám sát việc triển khai hỗ trợ đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác (nếu có)

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

4.1. Kiến nghị đề xuất của chính quyền địa phương

- Đối với Chính phủ
- Đối với các bộ, ngành

4.2. Kiến nghị, đề xuất của các cấp Hội

- Đối với Chính phủ
- Đối với các bộ, ngành
- Đối với MTTQ Việt Nam
- Đối với chính quyền địa phương